

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST-DS ngày 10/01/2017 về việc tranh chấp vay tài sản, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1954 – Hộ khẩu thường trú: Phố X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà A: Ông B, sinh năm 1958 – Nơi cư trú: Tập thể M, phường N, quận Z, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Bà C – Hộ khẩu thường trú: Phố G, phường H, quận Y, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông D, sinh năm 1948 (chồng bà A) – Hộ khẩu thường trú: Phố X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D: Bà A.

3.2. Ông E (chồng bà C) – Hộ khẩu thường trú: Phố G, phường H, quận Y, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Nguyên đơn là bà A và người đại diện theo uỷ quyền là ông B; bị đơn là bà C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D, ông E.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng bà C, ông E vay của vợ chồng bà A, ông D tổng số tiền gốc là 3.878.000.000đ (ba tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay theo thỏa thuận của các bên trong các giấy tờ về vay nợ, chót nợ đã ký kết gồm có: Giấy vay tiền ngày 01/01/2013; Hợp đồng vay vốn ngày 05/02/2013; Giấy ngày 06/02/2013, DY nhận tiền thay bà C; Hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2013; Giấy xác nhận vay tiền ngày 19/7/2013; Giấy xác nhận vay tiền ngày 08/8/2013; Giấy đề nghị cho vay tiền ngày 27/01/2014; Giấy cam kết vay tiền ngày 31/12/2014; Biên bản xác nhận nợ tiền ngày 31/10/2015; Biên bản xác nhận nợ tiền ngày 31/12/2015.

Bà C, ông E tự nguyện giao cho bà A, ông D giữ bản gốc Biên bản bàn giao nhà xưởng ngày 16/11/1992 giữa Cơ sở V và ông E, để làm tin cho khoản vay.

2.2. Các bên thỏa thuận giảm cho nhau một phần tiền lãi so với thỏa thuận của các bên trong các giấy tờ về vay nợ, chót nợ.

Theo đó, các bên thống nhất, tổng số tiền lãi của khoản tiền gốc vay mà vợ chồng bà C, ông E phải trả vợ chồng bà A, ông B tính đến thời điểm ngày 08/9/2017 là 2.500.000.000đ (hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

2.3. Tổng số tiền bà C, ông E đã trả cho bà A, ông D là 565.000.000đ. Số tiền này được trừ vào nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như sau: 278.000.000đ trừ vào tiền gốc, và 287.000.000đ trừ vào tiền lãi.

2.4. Tính đến ngày 08/9/2017, vợ chồng bà C, ông E còn phải trả vợ chồng bà A, ông D số tiền là: 5.813.0000.000đ (năm tỷ, tám trăm, mười ba triệu đồng), trong đó nợ gốc là 3.600.000.000đ, nợ lãi là 2.213.000.000đ.

Kể từ ngày 09/9/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, vợ chồng bà C, ông E phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận như sau: lãi suất 20%/năm đối với số tiền gốc chưa thanh toán, lãi suất 10%/năm đối với số tiền lãi chưa thanh toán.

2.5. Thỏa thuận về thời hạn, phương thức trả nợ như sau:

- Lần 1: Chậm nhất là ngày 09/12/2017, vợ chồng bà C, ông E thanh toán trả vợ chồng bà A, ông D số tiền gốc là 1.500.000.000đ (một tỷ, năm trăm triệu đồng).

- Lần 2: Chậm nhất là ngày 09/3/2018, vợ chồng bà C, ông E thanh toán trả vợ chồng bà A, ông D toàn bộ khoản tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp vợ chồng bà C, ông E thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn, phương thức như trên, thì vợ chồng bà A, ông D miễn cho bà C, ông E khoản tiền lãi của khoản nợ từ ngày 09/9/2017 cho đến ngày 09/3/2018.

Nghĩa là, trong trường hợp này thì vợ chồng bà C, ông E phải trả vợ chồng bà A, ông D tổng số tiền là 5.813.0000.000đ (trong đó, nợ gốc là 3.600.000.000đ, nợ lãi là 2.213.000.000đ) (đây là số tiền các bên đã thống nhất chốt nợ vào ngày 08/9/2017).

2.6. Khi vợ chồng bà C, ông E thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, thì vợ chồng bà A, ông D có nghĩa vụ trả lại ngay cho bà C, ông E bản gốc Biên bản bàn giao nhà xưởng đề ngày 16/11/1992 giữa Cơ sở V và ông E.

2.7. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng C, ông E chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 56.906.500đ (năm mươi sáu triệu, chín trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả bà A số tiền 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002220 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Lanh